

BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý

Đối với dự thảo Nghị quyết Quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh trích hàng năm ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Lai Châu

(Kèm theo Công văn số: /STC-GCS ngày 08/11/2025 của Sở Tài chính)

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tài chính chủ trì soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến đối với hồ sơ Dự thảo Nghị quyết Quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh trích hàng năm ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Lai Châu

1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến và tổng số ý kiến nhận được: Sở Tài chính đã gửi lấy ý kiến của 60 cơ quan, đơn vị, đến nay nhận được 25/60 ý kiến tham gia

2. Kết quả cụ thể như sau:

- 19 cơ quan, đơn vị nhất trí với hồ sơ dự thảo Nghị quyết Quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh trích hàng năm ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Lai Châu

- 06 cơ quan, đơn vị có ý kiến tham gia đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa

STT	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
1	Sở Dân tộc và tôn giáo (Công văn số 1532/SDTTG-CSĐT ngày 31/10/2025)	Nhất trí với hồ sơ dự thảo Nghị quyết	
2	Sở Nội vụ (Công văn số 3951/SNV-HC&QLVTLT ngày 31/10/2025)	Nhất trí với hồ sơ dự thảo Nghị quyết	

STT	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
3	Sở Giáo dục và Đào tạo (Công văn số 3685/SGDDT-KHTC ngày 02/11/2025)	Nhất trí với hồ sơ dự thảo Nghị quyết	
4	Ban QLDA ĐTXD các CT dân dụng và công nghiệp (Công văn số 1025/BQLDA-TV ngày 03/11/2025)	Nhất trí với hồ sơ dự thảo Nghị quyết	
5	Sở Y tế (Công văn số 3354/SYT-KHTC ngày 03/11/2025)	Nhất trí với hồ sơ dự thảo Nghị quyết	
6	Sở xây dựng (Công văn số 3988/SXD-QLVT ngày 04/11/2025)	Nhất trí với hồ sơ dự thảo Nghị quyết	
7	Ban Quản lý khu kinh tế (Công văn số 1731/BQL-VP1 ngày 04/11/2025)	Nhất trí với hồ sơ dự thảo Nghị quyết	
8	Sở Ngoại vụ (Công văn số 2101/SNgV-VP ngày 05/11/2025)	Nhất trí với hồ sơ dự thảo Nghị quyết	
9	Trường Cao đẳng Lai Châu (Công văn số 1641/CĐLC-TCHCTV ngày 05/11/2025)	Nhất trí với hồ sơ dự thảo Nghị quyết	
10	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Công văn số 3047/SVHTTDL-VP ngày 05/11/2025)	Nhất trí với hồ sơ dự thảo Nghị quyết	
11	UBND xã Mường Kim (Công văn số 1850/UBND-VHXXH ngày 31/10/2025)	Nhất trí với hồ sơ dự thảo Nghị quyết	
12	UBND xã Mường Khoa (Công văn số 929/UBND-KT ngày 31/10/2025)	Nhất trí với hồ sơ dự thảo Nghị quyết	

STT	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
13	UBND xã Bình Lư (Công văn số 727/UBND-KT ngày 04/11/2025)	Nhất trí với hồ sơ dự thảo Nghị quyết	
14	UBND xã Bum Nưa (Công văn số 796/UBND-TH ngày 04/11/2025)	Nhất trí với hồ sơ dự thảo Nghị quyết	
15	UBND xã Nậm Cuối (Công văn số 517/UBND-KT ngày 03/11/2025)	Nhất trí với hồ sơ dự thảo Nghị quyết	
16	UBND xã Pa Tàn (Công văn số 1026/UBND-PKT ngày 04/11/2025)	Nhất trí với hồ sơ dự thảo Nghị quyết	
17	UBND xã Khun Há (Công văn số 1585/UBND-VHXXH ngày 31/10/2025)	Nhất trí với hồ sơ dự thảo Nghị quyết	
18	UBND xã Than Uyên (Công văn số 1427/UBND-KT ngày 04/11/2025)	Nhất trí với hồ sơ dự thảo Nghị quyết	
19	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Lai Châu (Công văn số 412/MTTQ-BTT ngày 06/11/2025)	Nhất trí với hồ sơ dự thảo Nghị quyết	

STT	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
20	Thanh tra tỉnh (Công văn số 2052/TTr-ĐB2 ngày 31/10/2025)	Đề nghị thống nhất việc sử dụng cụm từ chỉ đối tượng “người nghèo” và “hộ nghèo” trong tiêu đề và nội dung dự thảo Nghị quyết. Lý do cho phù hợp với Điều 2 của Dự thảo Nghị quyết	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị quyết. Lý do: 1. Về cụm từ “Người nghèo” tại tiêu đề và nội dung Điều 2 dự thảo Nghị quyết - Cụm từ “người nghèo” được sử dụng trong Dự thảo Nghị quyết là phù hợp với các quy định của văn bản pháp luật hiện hành, cụ thể: + Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 11/2017/TT-BTC, được sửa đổi tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 84/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định: “2. <i>Nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh trích hàng năm (tùy theo tình hình thực tế của từng địa phương và khả năng cân đối ngân sách) ủy thác qua Chỉ nhánh NHCSXH cấp tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định</i>”. + Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ quy định về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, trong đó xác định: “<i>Người nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn tín dụng ưu đãi gồm: 1. Hộ nghèo</i>”. 2. Về cụm từ “Hộ nghèo”: Tại Điều 3 Dự thảo Nghị quyết, cụm từ “hộ nghèo” được sử dụng phù hợp với cơ chế tín dụng chính sách hiện hành, do Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay theo đơn vị hộ, là chủ thể trực tiếp vay vốn, trả nợ và chịu trách nhiệm về khoản vay. Đồng thời phù hợp với quy định tại Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ. 3. Như vậy, tiêu đề dùng “người nghèo” thể hiện tính khái quát, còn nội dung chi tiết dùng “hộ nghèo” phản ánh đúng thực tiễn triển khai; hai cách diễn đạt này thống nhất, không mâu thuẫn, bảo đảm tính pháp lý và thực tiễn của Dự thảo Nghị quyết.
21	UBND xã Sin Hồ (Công văn số 877/UBND-KT ngày 31/10/2025)	Thời hạn cho vay tối đa 120 tháng (10 năm) đối với các khoản vay trung và dài hạn là hợp lý về nguyên tắc, nhưng cần linh hoạt hơn theo từng mô hình sản xuất, chu kỳ cây trồng vật nuôi hoặc ngành nghề đặc thù. Kéo dài thời hạn cho vay với các đối tượng đặc thù (người dân tộc thiểu số, cây trồng lâu năm, lao động đi nước ngoài, người sau cai nghiện...).	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị quyết. Lý do: 1. Thời hạn cho vay trong Dự thảo Nghị quyết đã được quy định cụ thể theo từng đối tượng và mục đích vay, bảo đảm phù hợp với chu kỳ sản xuất, kinh doanh và khả năng trả nợ của người vay. 2. Căn cứ các quy định hiện hành của Trung ương (<i>Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội</i>), Sở Tài chính xây dựng mức cho vay, lãi suất và thời hạn cho vay theo đúng khung chính sách do Trung ương ban hành, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ giữa nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội. 3. Việc áp dụng thống nhất chính sách cho vay theo quy định của Trung ương vừa bảo đảm công bằng, minh bạch, vừa giúp người nghèo và các đối tượng chính sách tiếp cận nguồn vốn ưu đãi bình đẳng, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Mặt khác các tiêu chí về mức vay, lãi suất và thời hạn cho vay đã được Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương nghiên cứu, ban hành trên cơ sở tổng kết thực tiễn và đánh giá khả năng trả nợ của người vay, do đó việc địa phương áp dụng thống nhất theo quy định của Trung ương là phù hợp với thực tiễn.

STT	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
		Bổ sung cơ chế ân hạn trả nợ gốc và lãi trong thời gian 06- 12 tháng đầu sau giải ngân đối với nhóm yếu thế	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị quyết. Lý do: - Theo quy định tại Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19/8/2025 của Bộ Tài chính (1) Tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19/8/2025 quy định: “Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định trên cơ sở các quy định hiện hành của NHCSXH và phù hợp với thực tế tại địa phương” và “a) ...Đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định”. - Theo đó cơ chế ân hạn trả nợ gốc và lãi không thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.
22	UBND xã Pắc Ta (Công văn số 611/UBND-KT ngày 03/11/2025)	Đề xuất bổ sung mục 7, Điều 3: "<i>d, Đối tượng cho vay: Thực hiện theo quy định Nghị định số 61/2015/NĐ-CP, ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và quỹ quốc gia về việc làm, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ</i>", ưu tiên cho vay các đối tượng là hạ sĩ quan, chiến sĩ hoàn thành nghĩa vụ Công an nhân dân, Quân đội nhân dân xuất ngũ	Theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2019/NĐ-CP), đối tượng vay vốn gồm: (1) Người lao động; (2) Thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ trong các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; (3) doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh. Trong đó: - Đối tượng “Người lao động”: đã được quy định tại khoản 7 Điều 3 dự thảo Nghị quyết. - Đối tượng “Thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ trong các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội”: Sở Tài chính đã bổ sung vào dự thảo Nghị quyết. - Đối tượng doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh: Đề xuất không đưa vào dự thảo Nghị quyết. Lý do: Hiện nay điều kiện nguồn lực ngân sách địa phương còn hạn chế, trong khi nhóm đối tượng này đã được hưởng chính sách hỗ trợ, vay vốn ưu đãi từ nhiều chương trình khác sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương, cụ thể: (i) Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được vay vốn ưu đãi theo Nghị quyết số 111/2024/QH15, được cụ thể hóa tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 06/01/2025 của UBND tỉnh Lai Châu để phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, ổn định sinh kế, cải thiện nhà ở, phát triển sản phẩm OCOP, làng nghề và du lịch nông thôn; (ii) Doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được hỗ trợ lãi suất theo Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh; (iii) Hợp tác xã được vay vốn từ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Lai Châu.

STT	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
23	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Công văn số 4949/SNNMT-PTNT&QLCL ngày 05/11/2025)	Tại điểm 3.10 khoản 3 của dự thảo Tờ trình; Khoản 10 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết đề nghị cơ quan soạn thảo sửa đổi cụm từ “Nghị định số 261/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2025 của Chính phủ” thành “Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10/10/2025 của Chính phủ để đảm bảo đúng số, ký hiệu văn bản của Nghị định	Nhất trí tiếp thu, đã chỉnh sửa trong dự thảo Nghị quyết
24	Sở Tư pháp	Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại phần trình bày các văn bản là căn cứ ban hành Nghị quyết cho chính xác và phù hợp hơn theo quy định tại khoản 1 mục III phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.	Nhất trí tiếp thu, đã chỉnh sửa trong dự thảo Nghị quyết

STT	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
		Đối với Điều 1 của dự thảo Nghị quyết Theo khoản 3 Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 quy định “Đối tượng cho vay: theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác (sau đây viết tắt là Nghị định số 78/2002/NĐ-CP) và một số đối tượng chính sách khác tại địa phương do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (nếu có).”. Do đó, đề nghị rà soát, chỉnh sửa quy định cụ thể các đối tượng chính sách khác là những đối tượng nào chứ không quy định chung chung như dự thảo.	Nhất trí tiếp thu, đã chỉnh sửa trong dự thảo Nghị quyết
		Đối với Điều 2 của dự thảo Nghị quyết Điều 2 quy định về đối tượng áp dụng có nội dung như sau “Các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh trích hàng năm ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lai Châu.”. Đề nghị rà soát, chỉnh sửa cụm từ “người nghèo và các đối tượng chính sách khác” theo hướng “đối tượng quy định tại Điều 1 của Nghị quyết này” cho thống nhất, đồng bộ với phạm vi điều chỉnh của văn bản quy định tại Điều 1 của dự thảo Nghị quyết.	Nhất trí tiếp thu, đã chỉnh sửa trong dự thảo Nghị quyết

STT	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
		Đối với Điều 3 của dự thảo Nghị quyết: Chưa thuyết minh rõ lý do vì sao lựa chọn 15 nhóm đối tượng này được vay vốn từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua ngân hàng Chính sách xã hội; chưa thuyết minh rõ đối tượng nào nằm trong nhóm được quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP, đối tượng nào do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định. Trong khi đó, theo khoản 3 Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC quy định đối tượng cho vay gồm các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP và một số đối tượng chính sách khác tại địa phương do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (nếu có).	Sở Tài chính tiếp thu và đã bổ sung nội dung thuyết minh trong dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và Tờ trình của Sở Tài chính
		Đối với Điều 3 của dự thảo Nghị quyết: hiện nay có một số văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên cũng đang có các quy định khác cho vay đối với các nhóm đối tượng này. Vậy thì trường hợp cùng nguồn vốn, cùng mục đích vay, cùng đối tượng vay, nhưng mức cho vay, lãi suất, thời hạn vay khác nhau thì áp dụng như thế nào (ví dụ: theo Điều 9 Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg thì lãi suất cho vay đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn áp dụng bằng mức lãi suất cho vay đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn; nhưng tại khoản 12 Điều 3 dự thảo Nghị quyết lại ấn định mức 9%/năm)	- Về mức lãi suất cho vay, thời hạn cho vay, mức vay: Căn cứ các quy định hiện hành của Trung ương (Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội), Sở Tài chính xây dựng mức cho vay, lãi suất và thời hạn cho vay theo đúng khung chính sách do Trung ương ban hành, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ giữa nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội. Ví dụ: Tại khoản 1 Điều 9 Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định “1. Lãi suất cho vay áp dụng bằng mức lãi suất cho vay đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn”. Tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 17/2023/QĐ-TTg ngày 05/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định lãi suất cho vay đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn “1. Lãi suất cho vay bằng 9%/năm”. Theo đó, trong dự thảo Nghị quyết quy định mức lãi suất cho vay là 9% là phù hợp với quy định hiện hành. Tuy nhiên, để linh hoạt hơn, Sở Tài chính đã chỉnh sửa trong dự thảo Nghị quyết như sau “Lãi suất cho vay áp dụng bằng mức lãi suất cho vay đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều này”
		Đối với Điều 5 của dự thảo Nghị quyết Khoản 1 Điều 5 có nội dung “Nghị quyết áp dụng thực hiện trên địa bàn tỉnh Lai Châu từ ngày 01/01/2026.”. Đề nghị chỉnh sửa thành “Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026” cho chính xác và phù hợp.	Nhất trí tiếp thu, đã chỉnh sửa trong dự thảo Nghị quyết

STT	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
		Phần Nơi nhận Đề nghị bổ sung thêm một số cơ quan, đơn vị như “Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;” vào phần Nơi nhận của văn bản để phối hợp triển khai thực hiện.	Nhất trí tiếp thu, đã chỉnh sửa trong dự thảo Nghị quyết
25	Chi nhánh NHCSXH tỉnh Lai Châu	Trong tờ trình của UBND tỉnh, tại mục 3.13. Nội dung cơ sở đề xuất đề nghị chỉnh sửa như sau: " <i>...Lý do: trước khi sáp nhập, các xã Nùng Nàng, Bản Giang, San Thàng, Sùng Phài và Lán Nhì Thàng là khu vực nông thôn với tổng số 4.626 hộ, trong đó có 675 hộ hiện đang dư nợ nguồn vốn chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường theo Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg ngày 15/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ và còn nhiều hộ thuộc đối tượng thụ hưởng, điều kiện kinh tế khó khăn, khó có điều kiện để tự cải thiện điều kiện sống, bảo vệ môi trường và thực hiện chỉ tiêu tại Nghị quyết số 05-NQ/ĐH ngày 19/9/2025 của Đảng bộ tỉnh Lai Châu "82% dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung"</i>	Nhất trí tiếp thu, đã chỉnh sửa trong dự thảo Tờ trình